

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp phụ gia giàu Fe_2O_3 tháng 5 và tháng 6 năm 2026.

Gói thầu số: 135/ĐTRR/XMCP/ĐT/2026

Phát hành ngày: 29/04/2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thái Hưng

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu (BMT) là Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả (Công ty), áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu dự thầu) mời nhà thầu tham gia đấu thầu rộng rãi gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp phụ gia giàu Fe₂O₃ tháng 5 và tháng 6 năm 2026.

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 75 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó: Tiến độ cung cấp hàng hóa trong vòng 60 ngày (Theo tiến độ cung cấp từng đơn đặt hàng cụ thể) và 15 ngày tiếp theo nghiệm thu.

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)

1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu **03 ngày làm việc** trước ngày đóng thầu để xem xét xử lý. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;

- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt.

Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: Tài liệu về kỹ thuật của sản phẩm, tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh...

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này

vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: **séc, thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc nộp tiền mặt trước thời điểm đóng thầu.**

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **153.450.000 VNĐ** (Bằng chữ: **Một trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.**).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **90 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng

từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 10. giờ 00' ngày 15...tháng 05...năm 2026

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 10 giờ 30 ngày 15 tháng 05 năm 2026 tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu tối đa 03 ngày làm việc tiếp theo *sau khi đóng thầu và phù hợp với quy định của QC MSTX*. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có

HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a. Báo cáo đánh giá HSDT.

b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.

c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được

thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Tỷ lệ thương thảo ký kết hợp đồng: Đơn vị mua sắm căn cứ tình hình thực tế sẽ xem xét và quyết định tỷ lệ ký kết hợp đồng cụ thể như sau:

T T	Nội dung	Tỷ lệ ký hợp đồng	Điều kiện đảm bảo
1	Nhà thầu xếp thứ 1	Ký hợp đồng với giá trị tối thiểu 70% giá trị gói thầu	Nhà thầu đủ điều kiện đáp ứng 100% theo yêu cầu của Bên mời thầu.
2	Nhà thầu xếp thứ 2 (Ưu tiên đảm phán theo thứ tự xếp hạng đánh giá)	Ký hợp đồng giá trị tối đa 30% giá trị gói thầu	1. Có giá đánh giá xếp thứ hai và phải đảm bảo đơn giá ký hợp đồng không được vượt quá đơn giá ký với Nhà thầu có giá đánh giá xếp thứ nhất và chất lượng hàng hóa phải tương đương hoặc cao hơn Nhà thầu xếp thứ nhất. 2. Vượt qua các bước đánh giá năng lực, kinh nghiệm, yêu cầu kỹ thuật,... của Bên mời thầu.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện Bên mời thầu có quyền điều chỉnh tỷ lệ nêu trên để đảm bảo an toàn nguồn nguyên liệu đầu vào.

8. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia/hệ thống mạng đấu thầu Viettel/khác (nếu có).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện bằng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Giá trị và nội dung bảo đảm theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng – Trưởng Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; SĐT: 0967.910666;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng – Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Thị Minh Chi - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; sdt: 0965.918.899; địa chỉ email: Chitm@viettel.com.vn.

Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình – Chánh Văn Phòng; SĐT – 0965.136.188.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDT	01 bản gốc	
2	Đơn dự thầu	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 75 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	
		Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng/dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDT	Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	- Đối với nhà thầu độc lập: có tối thiểu một năm kinh nghiệm. - Đối với trường hợp liên danh: các thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu trên.

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự.	- Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành một phần trong vòng 03 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): + Số lượng hợp đồng: có tối thiểu 01 hợp đồng, hợp đồng có nội dung: cung cấp nguyên nhiên liệu để sản xuất Clinker hoặc sản xuất xi măng + Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) $\geq 7.161.000.000$ đồng. - Nhà thầu cung cấp bản sao của hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, hồ sơ nghiệm thu hoặc hồ sơ thanh lý để chứng minh (khi cần thiết, BMT có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, chứng minh). - Đối với Nhà thầu liên danh: số lượng hợp đồng chứng minh năng lực kinh nghiệm được tính bằng tổng số lượng hợp đồng hợp lệ của các thành viên liên danh (tương đương với phần công việc đảm nhận).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2025 tối thiểu là: 15.345.000.000 đồng. (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 tối thiểu là: 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2025 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau: - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. - Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2025.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá: Sử dụng phương pháp đánh giá Đạt/Không đạt. HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là (đạt)	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp	Đáp ứng tiến độ cung cấp/thời gian thực hiện Hợp đồng nêu tại Mục 1, khoản 1, chương IV của HSMT	Không Đáp ứng tiến độ cung cấp/thời gian thực hiện Hợp đồng tại Mục 1, khoản 1, chương IV của HSMT
2	Thời gian thực hiện Hợp đồng	Nêu rõ về địa điểm cung cấp hàng hóa Đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, khoản 2, chương IV của HSMT	Không nêu/nêu nhưng không đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, khoản 2, chương IV của HSMT
3	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Có Cam kết/đề xuất/có tài liệu Đáp ứng yêu cầu của HSMT nêu tại Mục 2, khoản 1, chương IV của HSMT	Không cam kết/không đề xuất/không có tài liệu hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu HSMT tại Mục 2, khoản 1, chương IV của HSMT
4	Giao nhận, địa điểm và phương thức giao nhận	Có Cam kết Đáp ứng các yêu cầu của HSMT nêu tại Mục 2, khoản 2, chương IV của HSMT	Không đáp ứng các yêu cầu của HSMT tại Mục 2, khoản 2, chương IV của HSMT
5	Mẫu hàng hóa và cách thức thử nghiệm (Khi đánh giá HSDT)	-Nộp mẫu theo yêu cầu tại Khoản 3, Mục 2, chương IV của HSMT. -Đồng ý cách thử nghiệm mẫu/tiêu chí đánh giá tại Khoản 4, Mục 2, chương IV của HSMT - Mẫu đáp ứng được các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật của HSMT	Không nộp mẫu/Không đồng ý cách thử nghiệm mẫu hoặc mẫu không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của HSMT
6	Nguồn gốc hàng hóa	-Có cam kết, tài liệu đưa vào HSDT về Nguồn gốc hàng hóa đáp ứng được các yêu cầu nêu tại Khoản 4, Mục 2, chương IV của HSMT.	- Không Có cam kết, tài liệu hoặc có nhưng không đáp ứng các yêu cầu nêu tại Khoản 5, Mục 2, chương IV của HSMT.

MỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁ

Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất. Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDT để xác định giá thấp nhất (HSDT có giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất).

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và

các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC.

Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá

thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong HSDT thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____

[Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng:** ____ *[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ____ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ____ *[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ____ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng:** ____ *[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ____ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ____ *[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ____ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____ *[Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên

thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Sst	Tên hàng hóa	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
...	...					
	Tổng cộng giá trị trước thuế					
	Thuế GTGT ...%					
	Tổng cộng giá trị sau thuế					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Các cột (2), (5), (6) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (3), (4), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Các nội dung nêu dưới đây được hiểu như sau: Bên A/Bên mua là Bên mời thầu; Bên B/Bên bán là nhà thầu.

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

Các thông tin trong Mục này để hỗ trợ các nhà thầu khi lập các bảng giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

1. Phạm vi cung cấp

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng ($\pm 10\%$)
1	Phụ gia giàu Fe_2O_3	Kèm theo chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại mục 2	Tấn	30.000

Ghi chú: Tên hàng hóa có thể là phụ gia giàu Fe_2O_3 , Đất giàu sắt, Xi sắt/thép làm phụ gia xi măng...tùy tên/nguồn gốc nguyên liệu tại vùng miền mà có tên gọi khác nhau (tuy nhiên tất cả các nguyên liệu đề phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật), các bên thống nhất cách gọi khi ký kết/thực hiện hợp đồng.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 75 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó: Tiến độ cung cấp hàng hóa trong vòng 60 ngày (theo tiến độ cung cấp từng đơn đặt hàng cụ thể) và 15 ngày tiếp theo nghiệm thu.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Thông số kỹ thuật của hàng hóa

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
1	Hàm lượng Fe_2O_3	$\geq 30.0\%$
2	Độ ẩm	$\leq 14\%$
3	Kích thước	≤ 70 chiếm 95%, từ 70 ÷ 100 chiếm 5%.
4	Không lẫn tạp chất và các vật liệu lạ như thép, sỏi, rễ cây...	

Nếu các chỉ tiêu kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật khác có sự thay đổi phải được sự chấp thuận của người có thẩm quyền Bên A (nếu có).

2. Giao nhận, địa điểm và phương thức giao nhận

2.1. Yêu cầu về giao, nhận hàng hóa

➤ Thời gian giao hàng:

- Căn cứ vào Công văn yêu cầu cung cấp hàng của Bên mời thầu (Bên A), nhà thầu (Bên B) phải thông báo trước cho Bên A thời gian, khối lượng hàng và số lượng phương tiện của đợt giao hàng.

- Hàng sẽ được giao nhận 24/24h kể cả ngày lễ và chủ nhật.

2.1.1. Giao hàng bằng đường thủy:

- Bên B sẽ cung cấp hàng hóa bằng tàu/sà lan có tải trọng ≤ 2.000 DWT tới cảng nhập của Bên A (*Trước khi giao hàng Bên B khảo sát để đảm bảo chủng loại tàu phù hợp với thực tế cảng nhập của Bên A và thông báo trước 24h cho Bên A để chủ động sắp xếp cho tàu cập cảng; bốc dỡ hàng hóa*).

- Trong thời gian khoảng 02h00 trước khi tàu tới cảng nhập của Bên A, Bên B phải thông báo bằng điện thoại cho Bên A thời gian phương tiện tới cảng. Khi tàu hàng tới cảng nhập phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Bộ phận điều độ cảng. Tàu chở hàng tuyệt đối không tự cập cảng hay dờn cảng khi chưa có sự chỉ dẫn của Bộ phận điều độ cảng.

2.1.2. Giao hàng bằng đường bộ (ô tô):

- Bên B giao hàng cho Bên A bằng xe ô tô tự đồ có trọng tải < 80 tấn, phương tiện vận chuyển phải được đăng ký với trạm cân của nhà máy (*số lượng xe, biển số xe, tên lái xe và CMND/CCCD*), trang bị bạt che hàng, đảm bảo hàng hóa không bị ướt, gây ảnh hưởng tới môi trường trong cả quá trình vận chuyển.

- Việc vận chuyển trên các tuyến đường (từ nơi lấy hàng đến nơi giao hàng) thì nhà thầu tự chịu mọi trách nhiệm, chi phí trong quá trình vận chuyển, giao hàng vào kho chứa của bên A.

2.2 Địa điểm giao nhận:

- **Đối với giao nhận bằng đường thủy:** Bên B giao hàng cho Bên A trên phương tiện thủy của Bên B tại cảng nhập nguyên liệu của Bên A tại Km 6, Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đối với giao nhận bằng đường bộ (Ô tô):** Giao tại bãi tập kết nguyên liệu của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

+ Phương tiện vận chuyển Bên B phải được trang bị bạt che hàng có chất lượng tốt, số lượng bạt đủ che kín khoang chứa hàng, đảm bảo không bị ướt trong suốt quá trình vận chuyển. Bên B chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa từ khi nhận hàng cho tới khi dỡ hàng xong, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của bên mua tại cảng dỡ hàng trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện cập cảng chờ dỡ hàng đến khi dỡ hàng xong.

+ Phương tiện vận chuyển của Bên B phải được phép lưu thông, đủ điều kiện chở hàng hóa theo Hợp đồng và phù hợp với yêu cầu của chính quyền địa phương và điều kiện tiếp nhận hàng hóa của bên Mua (bên bán nếu cần thiết có thể tham gia khảo sát cảng để đưa ra phương án vận chuyển). Bên bán chịu toàn bộ trách nhiệm và phải bồi thường tất cả thiệt hại nếu để xảy ra tình trạng phương tiện vận chuyển trái phép, vi phạm quy định quản lý hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hay phương tiện chở quá tải, mất an toàn, tai nạn hay thiệt hại cho người và tài sản của bất kỳ bên nào trong quá trình trước và sau khi giao nhận hàng hóa.

2.3 Giao nhận khối lượng:

- Giao nhận bằng đường bộ: Thực hiện giao nhận qua hệ thống cân điện tử của Bên A trong Nhà máy tại Km6, QL18A, phường Quang Hanh - tỉnh Quảng Ninh.

- Giao nhận bằng đường thủy: Thực hiện giao nhận theo phương thức giám định mớn nước tại cảng nhập liệu của Bên A.

2.4 Tính toán khối lượng của từng chuyến hàng/từng đợt (ngày)

- **Bước 1 tính toán khối lượng giao nhận:** Khối lượng loại bỏ về kích thước trên từng phương tiện được tính như sau:

+ Trường hợp cỡ hạt $\geq 100\text{mm}$, chiếm tỷ trọng $\leq 5\%$ tổng khối lượng chuyển hàng và trường hợp cỡ hạt $\geq 70\text{ mm}$, chiếm tỷ trọng $> 5\%$ tổng khối lượng chuyển hàng (Khi được người có thẩm quyền Bên A chấp nhận bốc dỡ): Bên B có trách nhiệm bố trí nhân lực loại bỏ cục to, vệ sinh môi trường khu vực bốc dỡ, vận chuyển ra khỏi mặt bằng nhà máy.

+ Việc xác định khối lượng loại bỏ (KL_{loại bỏ}) về kích thước được thực hiện qua hệ thống cân bàn của Bên A và được thực hiện trong giờ hành chính.

- **Bước 2 (tính toán khối lượng quy đổi về hàng hóa có độ ẩm quy định trong hợp đồng):**

+ Khối lượng hàng hóa sau quy đổi về hàng hóa có độ ẩm quy định trong hợp đồng được xác định như sau:

$$KL_{\text{trước quy ẩm}} = (KL_{\text{giao nhận}} - KL_{\text{loại bỏ}})$$

$$KL_{\text{sau quy ẩm}} = KL_{\text{trước quy ẩm}} \cdot \frac{100\% - W_{TT}}{100\% - W_{HD}}$$

Trong đó:

KL_{trước quy ẩm}: Khối lượng sau khi giao nhận và loại bỏ về vượt kích cỡ.

KL_{sau quy ẩm} : Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm Hợp đồng (14%).

KL_{giao nhận} : Khối lượng giao nhận.

- $KL_{\text{loại bỏ}}$: Khối lượng loại bỏ.
 W_{TT} : Độ ẩm thực tế.
 W_{HD} : Độ ẩm hợp đồng (14%).

+ Khối lượng hàng hóa thanh toán/nhập kho cho từng chuyến hàng là khối lượng hàng hóa được Bên A chấp nhận nhập kho, sau đo mớn nước, sau loại bỏ về kích thước, sau quy đổi về hàng hóa có độ ẩm quy định trong hợp đồng.

+ Đối với trường hợp hàng hóa có độ ẩm nhỏ hơn 14% thì khối lượng hàng hóa thanh toán/nhập kho không thực hiện áp dụng công thức quy ẩm nêu trên. Khi đó, khối lượng hàng hóa thanh toán/nhập kho cho từng chuyến hàng là khối lượng hàng hóa được Bên A chấp nhận nhập kho, sau đo mớn nước, sau loại bỏ về kích thước.

3. Mẫu hàng hóa và cách thức thử nghiệm (Khi đánh giá HSDT).

- Đề nghị Nhà thầu gửi mẫu theo địa chỉ bên mời thầu (**02 bộ mẫu**, mỗi mẫu *(trọng lượng 05 kg đựng trong túi có dán niêm phong)*)

- Thời gian gửi mẫu: trước thời điểm đóng thầu hoặc trong vòng **05 ngày** làm việc sau thời điểm đóng thầu. (Gửi trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh đến địa điểm của Bên mời thầu).

- Bên mời thầu sẽ tiến hành kiểm tra mẫu hàng hóa để đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trên. Trong trường hợp, mẫu hàng hóa của Nhà thầu không đáp ứng được tất cả các yêu cầu kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá các bước tiếp theo.

- Địa chỉ bên mời thầu: Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. Km6, QL18A, P.Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

- Tiêu chí đánh giá: Tiêu chí đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật khác nêu trên.

- Chất lượng, các chỉ tiêu kỹ thuật... của mẫu thử nghiệm được lưu tại Bên mời thầu làm cơ sở để đối chiếu, so sánh với mẫu mà Nhà thầu sẽ cung cấp trong trường hợp trúng thầu và để đối chiếu trong trường hợp có sự tranh chấp về chất lượng hàng hóa do Nhà thầu cung cấp.

4. Nguồn gốc hàng hóa

- Bên bán chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, nguồn gốc và chất lượng Hàng hóa cung cấp, phối hợp với bên mua trong quá trình giải trình với cơ quan nhà nước trong suốt quá trình thực hiện gói thầu/Hợp đồng và công tác hậu kiểm khác. Bên bán bằng chi phí của mình chịu mọi rủi ro, cam kết và đảm bảo bên mua được miễn trừ khỏi trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm tài chính liên quan đến tính hợp pháp, nguồn gốc và chất lượng hàng hóa cấp theo Hợp đồng và được bồi thường thiệt hại (nếu có).

- Đối với nhà thầu là đơn vị thương mại phải có hợp đồng mua bán với đơn vị trực tiếp khai thác/sản xuất. Nhà thầu đưa vào HSDT hợp đồng với đơn vị khai thác/sản xuất để chứng minh

- Trước khi cấp hàng Bên A có quyền đi kiểm tra nguồn gốc, chất lượng hàng hóa của Bên B.

Mục 3: Các Yêu cầu khác

Các nội dung về “Các Yêu cầu khác” được trình bày tại mục 3 trong HSMT này để Nhà thầu được biết và để đảm bảo quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với Nhà thầu tốt hơn hoặc bằng các nội dung nêu dưới đây:

1. Yêu cầu về lấy mẫu (mẫu khi thực hiện Hợp đồng)

a. Lấy mẫu Giao nhận đường thủy

- Việc lấy mẫu được thực hiện bằng thiết bị lấy mẫu tự động 115AS01.
- Trong trường hợp thiết bị lấy mẫu tự động 115SA01 gặp sự cố hỏng hóc thì việc lấy mẫu sẽ được chuyển sang lấy mẫu bằng tay trên phương tiện vận chuyển.

a.1 Lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu tự động 115SA01.

- Khi phương tiện của Bên Bán cập cảng Nhà máy, việc lấy mẫu sẽ được tiến hành thực hiện trên băng tải vận chuyển bằng thiết bị lấy mẫu tự động 115SA01 có sự giám sát Bên Bán và bên Mua trong suốt quá trình lấy mẫu.

- Trước khi bốc dỡ hàng 2 tiếng, Đơn vị chủ trì thông báo đến các đơn vị liên quan thực hiện vệ sinh, niêm phong thùng chứa mẫu, vận hành thiết bị lấy mẫu NVL ở chế độ tự động và cài đặt thời gian lấy mẫu.

- Tần suất lấy mẫu của thiết bị tự động được cài đặt 25 phút/1 lần.

- Khi kết thúc quá trình bốc dỡ P.QLCL thực hiện mở niêm phong thùng chứa mẫu và lấy mẫu ra (đây là mẫu cơ sở) trước sự chứng kiến của các bên liên quan.

- Mỗi đoàn phương tiện lấy một mẫu cơ sở, mẫu được chia làm 3 phần giống nhau (một phần được dùng để phân tích chất lượng, 1 phần giao cho chủ hàng, 1 phần được niêm phong làm mẫu đối chứng).

- Kết quả phân tích mẫu bằng thiết bị lấy mẫu tự động 115SA01 là cơ sở để nghiệm thu thanh quyết toán. Trong trường hợp có tranh chấp/khiếu nại bên bán gửi thông báo khiếu nại cho bên mua và đồng thời mang mẫu lưu đến đơn vị giám định độc lập được 2 bên thống nhất, kết quả của đơn vị giám định độc lập là cơ sở để nghiệm thu thanh quyết toán. Chi phí phát sinh khiếu nại do bên bán chịu.

- Trong trường hợp thiết bị lấy mẫu tự động đang lấy mẫu thì gặp sự cố không lấy được mẫu, lúc đó sẽ thực hiện lấy mẫu trên băng tải nhập vào kho theo tần suất 30 phút/1 lần, mỗi mẫu đơn lấy khoảng 1,5kg tập hợp vào xô có nắp đậy đặt tại vị trí mát không có ánh nắng rọi vào, sau đó các mẫu đơn được cho vào bao quản trong túi nilong buộc chặt. Mẫu nghiệm thu chất lượng là mẫu tổng hợp trong thùng chứa của máy lấy mẫu tự động và mẫu lấy trên băng tải nhập vào kho.

- Không thực hiện lấy mẫu khi trời mưa.

a.2 Lấy mẫu bằng tay trên phương tiện vận chuyển

- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành.
- Lấy mẫu trên phương tiện của Bên Bán tại cảng nhập nguyên liệu của Bên Mua;
- Khi phương tiện của Bên Bán cập cảng Nhà máy, đại diện của Bên Mua tiến hành lấy mẫu (đây là mẫu cơ sở) để kiểm tra chất lượng lô hàng với sự giám sát của đại diện Bên Bán.
- Mỗi đoàn phương tiện lấy một mẫu cơ sở, mẫu được chia làm 3 phần giống nhau (một phần được dùng để phân tích chất lượng, 1 phần giao cho nhà thầu, 1 phần được niêm phong lưu lại làm mẫu đối chứng).
- Không thực hiện lấy mẫu khi trời mưa.
- Việc dỡ hàng chỉ được tiến hành khi hai bên đã thống nhất về các chỉ tiêu chất lượng.

b. Lấy mẫu Giao nhận đường bộ

- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành.
- Lấy mẫu trên xe ô tô tại kho của Bên A;
- Mỗi đoàn phương tiện lấy một mẫu cơ sở, mẫu được chia làm 3 phần giống nhau (một phần được dùng để phân tích chất lượng, 1 phần giao cho nhà thầu, 1 phần được niêm phong lưu lại làm mẫu đối chứng).
- Không thực hiện lấy mẫu khi trời mưa.
- Việc dỡ hàng chỉ được tiến hành khi hai bên đã thống nhất về các chỉ tiêu chất lượng.
- Khi hai bên có những bất đồng về chất lượng, độ ẩm hàng hóa mà không thể thống nhất được thông qua đàm phán, thì lấy mẫu trọng tải, mẫu trọng tải phải còn nguyên vẹn, và được hai bên cùng gửi mẫu trọng tải đến cơ quan trung tâm thí nghiệm trung gian có thẩm quyền pháp lý. Kết quả thí nghiệm của cơ quan thí nghiệm trung gian có thẩm quyền giám định độc lập là kết quả cuối cùng dùng cho phán quyết cả 02 Bên. Mọi chi phí phát sinh do bên B chịu
- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Tại phòng Quản lý chất lượng của Bên A

2. Yêu cầu xử lý vi phạm

2.1. Phạt vi phạm về tiến độ

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm không quá 08 (tám) ngày thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng ít nhất 01% (một phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% (tám phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm.
- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm quá 08 (tám) ngày thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt là 8% tổng giá trị hợp đồng. Trường hợp này các bên thống nhất hiểu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi

thường thiệt hại nếu có.

- Nếu một bên đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương hủy hợp đồng hoặc không có sự thỏa thuận bằng văn bản của bên kia thì phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng giá trị hợp đồng.

2.2. Phạt vi phạm về độ ẩm, chất lượng, kích thước của từng chuyến hàng/từng đợt giao hàng.

❖ **Phạt vi phạm về độ ẩm của từng chuyến hàng/từng đợt giao hàng:**

➤ Phạt vi phạm về độ ẩm của từng chuyến hàng (Đối với mùa khô: từ tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau) được tính theo công thức sau:

$$GTP_A = K_2 \times KL_{\text{sau quy ẩm}}$$

Trong đó:

GTP_A : Giá trị phạt về độ ẩm

K_2 : Hệ số phạt vi phạm về độ ẩm.

$KL_{\text{sau quy ẩm}}$: Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm 14%.

Hệ số phạt vi phạm về độ ẩm quy định cụ thể như sau:

- + Độ ẩm thực tế ($14\% < WTT \leq 14,5\%$) : $K_2 = 0$ đồng.
- + Độ ẩm thực tế ($14,5\% < WTT \leq 16\%$) : $K_2 = 500$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($16\% < WTT \leq 17\%$) : $K_2 = 1.000$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($17\% < WTT \leq 18\%$) : $K_2 = 1.500$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($WTT > 18\%$) : $K_2 = 2.000$ đồng/tấn.

➤ Phạt vi phạm về độ ẩm của từng chuyến hàng (Đối với mùa mưa: từ tháng 05 đến hết tháng 10) được tính theo công thức sau:

$$GTP_A = K_3 \times KL_{\text{sau quy ẩm}}$$

- + Độ ẩm thực tế ($14\% < WTT \leq 15,5\%$) : $K_3 = 0$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($15,5\% < WTT \leq 17\%$) : $K_3 = 500$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($17\% < WTT \leq 18,5\%$) : $K_3 = 1.000$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($18,5\% < WTT \leq 20\%$) : $K_3 = 1.500$ đồng/tấn.
- + Độ ẩm thực tế ($WTT > 20\%$) : $K_3 = 2.000$ đồng/tấn.

❖ **Phạt vi phạm về chất lượng Fe_2O_3 của từng chuyến hàng/từng đợt giao hàng:**

- Phạt vi phạm về chất lượng ($29\% \leq Fe_2O_3 < 30\%$) được tính theo công thức sau:

$$GTP_{CL} = KL_{\text{sau quy ẩm}} \times 1.000 \text{ đồng/tấn}$$

Trong đó:

GTP_{CL} : Giá trị phạt về chất lượng

KL_{sau quy ẩm} : Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm Hợp đồng (14%).

- Phạt vi phạm về chất lượng (Hàm lượng $28\% \leq \text{Fe}_2\text{O}_3 < 29\%$) được tính theo công thức sau:

$$\text{GTPCL} = \text{KL}_{\text{sau quy ẩm}} \times 2.000 \text{ đồng/tấn}$$

Trong đó:

GTPCL : Giá trị phạt về chất lượng.

KL_{sau quy ẩm} : Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm 14%.

- Phạt vi phạm về chất lượng (Hàm lượng $27\% \leq \text{Fe}_2\text{O}_3 < 28\%$) được tính theo công thức sau:

$$\text{GTPCL} = \text{KL}_{\text{sau quy ẩm}} \times 3.000 \text{ đồng/tấn}$$

Trong đó:

GTPCL : Giá trị phạt về chất lượng.

KL_{sau quy ẩm} : Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm 14%.

- Phạt vi phạm về chất lượng (Hàm lượng $26\% \leq \text{Fe}_2\text{O}_3 < 27\%$) được tính theo công thức sau:

$$\text{GTPCL} = \text{KL}_{\text{sau quy ẩm}} \times 4.000 \text{ đồng/tấn}$$

Trong đó:

GTPCL : Giá trị phạt về chất lượng.

KL_{sau quy ẩm} : Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm 14%.

- Phạt vi phạm về chất lượng (Hàm lượng $25\% \leq \text{Fe}_2\text{O}_3 < 26\%$) được tính theo công thức sau:

$$\text{GTPCL} = \text{KL}_{\text{sau quy ẩm}} \times 5.000 \text{ đồng/tấn}$$

Trong đó:

GTPCL : Giá trị phạt về chất lượng.

KL_{sau quy ẩm} : Khối lượng nhập kho sau khi quy ẩm về độ ẩm 14%.

- Phạt vi phạm về chất lượng (Hàm lượng $20\% \leq \text{Fe}_2\text{O}_3 < 25\%$) được tính theo công thức sau:

$$\text{GTPCL} = \text{KL}_{\text{sau quy ẩm}} \times 150.000 \text{ đồng/tấn}$$

- Hàm lượng $\text{Fe}_2\text{O}_3 < 20\%$: Không thanh toán.

❖ **Phạt vi phạm về kích thước của từng chuyến hàng/từng đợt giao hàng.**

Trường hợp người có thẩm quyền của Bên mua chấp nhận bốc dỡ hàng hóa có: cỡ hạt $\geq 70 \text{ mm}$ và chiếm tỷ trọng $> 5\%$ tổng khối lượng chuyến hàng, khi đó giá trị phạt về kích thước được tính như sau:

$$\text{GTP}_{\text{KT}} = \text{ĐG}_{\text{HĐ}} \times 5\% \times \text{KL}_{\text{sau quy ẩm}}$$

Trong đó:

GTP_{KT} : Giá trị phạt về kích thước

$\text{ĐG}_{\text{HĐ}}$: Đơn giá cung cấp đất giàu sắt/tấn theo hợp đồng.

KL_{sau quy âm} : Khối lượng nhập kho sau quy âm.

2.3. Bồi thường thiệt hại

- Bên bán chịu toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa, thay thế thiết bị, máy móc hỏng và bồi thường các thiệt hại khác có liên quan do: kích thước đất giàu sắt vượt quá yêu cầu của Hợp đồng; vật liệu lạ, thép, rễ cây ... làm hỏng thiết bị của Bên mua.

- Bên bán chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và nguồn gốc hàng hóa cung cấp. Chịu trách nhiệm phối hợp với Công ty XMCP trong quá trình giải trình cùng các cơ quan thuế/thanh kiểm tra và bồi thường cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả 100% giá trị thiệt hại nếu hàng hóa bên bán cung cấp không đảm bảo tính hợp pháp theo quy định của Pháp luật.

3. Thời hạn và phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc đối trừ công nợ mua clinker/xi măng.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị nghiệm thu bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng **90 ngày** kể từ ngày Bên A nhận được đủ các chứng từ thanh toán như sau:

- + Phiếu kiểm tra chất lượng do Bên A phát hành (không có tranh chấp).
- + Phiếu kiểm tra chất lượng do đơn vị độc lập phát hành (nếu có tranh chấp)
- + Biên bản giao hàng của hai Bên.
- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- + Bộ chứng thư giám định về khối lượng và biên bản giám định (Giao nhận bằng đường thủy).
- + Tổng hợp các phiếu cân/phiếu thống kê (Giao nhận bằng đường bộ)
- + Bảng Tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán.
- + Thanh lý Hợp đồng
- + Các chứng từ giao hàng theo quy định.

4. Bất khả kháng

- Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

- Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những

biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

- Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

- Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

- Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Bổ sung bất khả kháng: Sự cố thiết bị/dây truyền của Bên A hoặc dừng lò phục vụ sửa chữa hoặc lượng tiêu thụ hàng hóa của Bên A vượt kế hoạch hoặc không đạt kế hoạch. Trong trường hợp xảy ra Bên A sẽ thông báo cho Bên B về thay đổi phạm vi cung cấp (giảm hoặc tăng phạm vi cung cấp), tiến độ thực hiện. Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh phạm vi cung cấp, tiến độ Hợp đồng và các thủ tục khác có liên quan

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

1. Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc đối trừ công nợ mua clinker/xi măng.

- Thời hạn thanh toán : Thanh toán 100% giá trị nghiệm thu bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng **90 ngày** kể từ ngày Bên A nhận được đủ các chứng từ thanh toán như sau:

- + Phiếu kiểm tra chất lượng do Bên A phát hành (không có tranh chấp).
- + Phiếu kiểm tra chất lượng do đơn vị độc lập phát hành (nếu có tranh chấp)
- + Biên bản giao hàng của hai Bên.
- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- + Bộ chứng thư giám định về khối lượng và biên bản giám định (Giao nhận bằng đường thủy).
- + Tổng hợp các phiếu cân/phiếu thống kê (Giao nhận bằng đường bộ)
- + Bảng Tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán.
- + Thanh lý Hợp đồng
- + Các chứng từ giao hàng theo quy định.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 75 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó: Tiến độ cung cấp hàng hóa trong vòng 60 ngày (Theo tiến độ cung cấp từng đơn đặt hàng cụ thể) và 15 ngày tiếp theo nghiệm thu.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực tối thiểu bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm **30 ngày** kể từ ngày mở bảo đảm.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

4. Bảo hành: không thực hiện